

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

Số: /UBND-VX

V/v kéo dài thời gian thực hiện kế hoạch vốn ngân sách Trung ương sang năm 2022 tiếp tục thực hiện, giải ngân

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bình Định, ngày tháng năm 2022

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Căn cứ khoản 2 Điều 68 Luật Đầu tư công, UBND tỉnh Bình Định kính báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư xem xét, tổng hợp trình Thủ tướng Chính phủ cho phép kéo dài thời gian thực hiện kế hoạch vốn ngân sách Trung ương sang năm 2022 để tiếp tục thực hiện, giải ngân, cụ thể như sau:

1. Tổng kế hoạch vốn ngân sách Trung ương năm 2021 (vốn trong nước) giao cho tỉnh thực hiện là 1.696.891 triệu đồng, đến ngày 31/01/2022, tổng số kế hoạch vốn được giải ngân là 1.696.428 triệu đồng, đạt 99,97%, số kế hoạch vốn còn lại chưa được giải ngân là 463,456 triệu đồng, bao gồm:

- Đường phía Tây tỉnh (ĐT.639B) (HM: Km130+00 - Km 137+580): 269,974 triệu đồng.

- Dự án bảo vệ và phát triển rừng PH Hoài Nhơn; Hoài Ân; Vĩnh Thạnh; Vân Canh; Phù Mỹ; Phù Cát; An Toàn; An Lão; Tây Sơn; ngập mặn: 33,893 triệu đồng.

- Khu khám phá khoa học và Trạm quan sát thiên văn phổ thông thuộc Tổ hợp không gian khoa học: 44,641 triệu đồng.

(Phụ lục chi tiết 01 đính kèm)

Số Kế hoạch vốn đề nghị được kéo dài vốn ngân sách Trung ương năm 2021 (trong nước) sang năm 2022 đã được Import trên Hệ thống thông tin về đầu tư sử dụng vốn nhà nước.

2. Tổng kế hoạch vốn ngân sách Trung ương năm 2021 (vốn nước ngoài) giao cho tỉnh thực hiện là 614.685 triệu đồng, đến ngày 31/01/2022, tổng số kế hoạch vốn được giải ngân là 311.440 triệu đồng, đạt 50,66%, số kế hoạch vốn còn lại chưa được giải ngân là 303.245 triệu đồng, bao gồm:

- Tiếp tục kéo dài sang năm 2022 để thực hiện là 258.921 triệu đồng.

- Đề nghị hủy kế hoạch năm 2021 là 44.324 triệu đồng.

(Phụ lục chi tiết 02 đính kèm)

Số Kế hoạch vốn đề nghị được kéo dài vốn ngân sách Trung ương năm 2021 (vốn ODA) sang năm 2022 đã được Import trên Hệ thống thông tin về đầu tư sử dụng vốn nhà nước.

3. Đối với các dự án thuộc Kế hoạch vốn ngân sách Trung ương năm 2020 trở về trước, đề nghị cho phép kéo dài sang năm 2022 để tiếp tục thực hiện là 5.791,421 triệu đồng, bao gồm:

- Dự án Định canh - định cư tập trung Làng K2 (Suối Đá) xã Vĩnh Sơn, huyện Vĩnh Thạnh: 2.878.573 triệu đồng.

- Mở rộng phạm vi cấp nước khu Đông Nam Hoài Nhơn: Xây dựng trạm bơm tăng áp: 2.912,848 triệu đồng.

(Phụ lục chi tiết 03 đính kèm)

UBND tỉnh Bình Định kính báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư xem xét, tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở KH&ĐT;
- CVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K1.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Phi Long

Phụ lục 01

DANH MỤC DỰ ÁN BỔ TRÍ TRONG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG HÀNG NĂM VỐN NSTW NĂM 2021 ĐỀ NGHỊ KÉO DÀI SANG NĂM 2022 ĐỂ TIẾP TỤC THỰC HIỆN

(Kèm theo Công văn số /UBND-VX ngày / /2022 của UBND tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Thông tin Quyết định đầu tư/ Quyết định phê duyệt dự toán chuẩn bị đầu tư				Kế hoạch vốn NSNN năm 2021						Đề xuất kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn NSTW năm 2021 sang năm 2022	Mã CTMTQG, Ngành, lĩnh vực	Mã quan hệ ngân sách	
		Quyết định đầu tư				Kế hoạch vốn giao trong năm			Kết quả giải ngân Kế hoạch vốn giao trong năm						
		Thời gian		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số kế hoạch vốn giao trong năm (bao gồm số vốn đã giao, điều chỉnh, bổ sung)			Giải ngân từ 1/1/2021 đến 31/01/2022					
		Khởi công	Hoàn thành		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Trong đó: NSTW			Trong đó: NSTW					
							Tổng số	Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	Tổng số	Thu hồi các khoản ứng trước				Thanh toán nợ XDCB
Tổng số					22.106.748	12.959.411	1.696.891	957.976	0	1.696.428	957.976	0	463,456		
1	Đường ven biển (ĐT.639), đoạn Cát Tiên đến Đê Gi	2019	2022	1338/QĐ-UBND; 18/4/2019 3975/QĐ-UBND; 25/9/2020	1.261.351	207.679	33.000	0	0	33.000	0	0	0,000	Giao thông	7716055
2	Dự án Quốc lộ 19, đoạn từ cảng Quy Nhơn đến nút giao Quốc lộ 1: Hỗ trợ giải phóng mặt bằng	2012	2021	90/QĐ-UBND ngày 08/01/2020; 5054/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 102/QĐ-UBND; 11/01/2021	4.410.816	3.087.571	301.932	0	0	301.932	0	0	0,000	Giao thông	7256771
3	Dự án Đầu tư nâng cấp tuyến đường ven biển đi qua tỉnh Bình Định (đoạn Đê Gi - Mỹ Thành; đoạn cầu Lại Giang đến cầu Thiện Chánh)	2019	2023	457/QĐ-UBND ngày 17/02/2020	1.047.642	476.500	160.000	0	0	160.000	0	0	0,000	Giao thông	7774715, 7774712
4	Đường phía Tây tỉnh (ĐT.639B) (HM: Km130+00 – Km 137+580)	2016	2020	3648/QĐ-UBND, 30/10/2014; 5022/QĐ-UBND, 30/12/2015; 711/QĐ-UBND, 10/03/2016	613.000	430.833	9.480	0	0	9.210	0	0	269,974	Giao thông	7547903

STT	Danh mục dự án	Thông tin Quyết định đầu tư/ Quyết định phê duyệt dự toán chuẩn bị đầu tư					Kế hoạch vốn NSNN năm 2021						Đề xuất kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn NSTW năm 2021 sang năm 2022	Mã CTMTQG, Ngành, lĩnh vực	Mã quan hệ ngân sách
		Quyết định đầu tư					Kế hoạch vốn giao trong năm			Kết quả giải ngân Kế hoạch vốn giao trong năm					
		Thời gian		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số kế hoạch vốn giao trong năm (bao gồm số vốn đã giao, điều chỉnh, bổ sung)			Giải ngân từ 1/1/2021 đến 31/01/2022					
		Khởi công	Hoàn thành		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Trong đó: NSTW			Trong đó: NSTW					
							Tổng số	Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	Tổng số	Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB			
5	Đường ven biển Nhơn Hội - Tam Quan - Hoài Nhơn	2008	2012	995/QĐ-CTUBND 09/5/2008; 2380/QĐ-CTUBND 03/11/2008; 2466/QĐ-CTUBND 11/11/2008	133.500	133.500	133.500	133.500	0	133.500	133.500	0	0,000	Giao thông	7039695, 7039697, 7152417
6	Tuyến đường quốc lộ 19 (cảng QN đến giao Quốc lộ 1A)	2013	2020	1373/QĐ-UBND ngày 24/4/2018	4.410.000	3.087.000	824.476	824.476	0	824.476	824.476	0	0,000	Giao thông	7256771
7	Đường ven biển đi qua tỉnh Bình Định, đoạn Cát Tiến - Diêm Vân	2021	2024	3728/QĐ-UBND; 08/9/2021	2.674.648	1.800.000	5.520	0	0	5.520	0	0	0,000	Giao thông	7909069
8	Xây dựng cơ sở hạ tầng cảng cá Tam Quan, thị xã Hoài Nhơn	2021	2024	3547/QĐ-UBND; 26/8/2021	113.000	80.000	1.068	0	0	1.068	0	0	0,000	Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản	7908862
9	Dự án bảo vệ và phát triển rừng PH Hoài Nhơn; Hoài Ân; Vĩnh Thạnh; Vân Canh; Phù Mỹ; Phù Cát; An Toàn; An Lão; Tây Sơn; ngập mặn	2016-2020	0	2489;2490;2491;2492;2493;2494;2495;2496;24972498-01/1/2011; 2790-9/1/2012	251.478	99.203	3.932	0	0	3.898	0	0	33,893	Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản	7285653, 7385918, 7369705, 7285657, 7287660, 7287658, 7285690, 7286892, 7286357
10	Dự án Đập dâng Phú Phong, Tây Sơn, Bình Định	2021	2023	5433/QĐ-UBND; 31/12/2020 1348/QĐ-UBND; 14/4/2021	754.040	550.000	174.800	0	0	174.800	0	0	0,000	Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản	7757585

STT	Danh mục dự án	Thông tin Quyết định đầu tư/ Quyết định phê duyệt dự toán chuẩn bị đầu tư					Kế hoạch vốn NSNN năm 2021						Đề xuất kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn NSTW năm 2021 sang năm 2022	Mã CTMTQG, Ngành, lĩnh vực	Mã quan hệ ngân sách
		Quyết định đầu tư					Kế hoạch vốn giao trong năm			Kết quả giải ngân Kế hoạch vốn giao trong năm					
		Thời gian		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số kế hoạch vốn giao trong năm (bao gồm số vốn đã giao, điều chỉnh, bổ sung)			Giải ngân từ 1/1/2021 đến 31/01/2022					
		Khởi công	Hoàn thành		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Trong đó: NSTW			Trong đó: NSTW					
							Tổng số	Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	Tổng số	Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB			
11	Tổ hợp Không gian khoa học bao gồm Nhà mô hình vũ trụ, Đài quan sát thiên văn phổ thông và Bảo tàng khoa học	2015	2022	3652a/QĐ-UBND, 30/10/2014	171.102	160.000	12.000	0	0	11.885	0	0	114,948	Khoa học, công nghệ	7490462
12	Khu khám phá khoa học và Trạm quan sát thiên văn phổ thông thuộc Tổ hợp không gian khoa học	2018	2022	231/QĐ-UBND, 06/7/2016 4628/QĐ-UBND, 19/11/2021	115.611	95.000	200	0	0	155	0	0	44,641	Khoa học, công nghệ	7606975
13	Đường trục KKT nối dài (giai đoạn 1) - Hợp phần 1	2016	2021	797/QĐ-UBND ngày 16/3/2016; 103/QĐ-UBND; 11/01/2021	474.904	384.904	36.983	0	0	36.983	0	0	0,000	Khu công nghiệp và khu kinh tế	7563264

Phụ lục 02
DANH MỤC DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN NƯỚC NGOÀI (VỐN VAY ODA VÀ VỐN VAY ƯU ĐÃI CỦA CÁC NHÀ TÀI TRỢ NƯỚC NGOÀI NĂM 2021 ĐỀ NGHỊ KÉO DÀI SANG NĂM 2022 ĐỂ TIẾP TỤC THỰC HIỆN
(Kèm theo Công văn số /UBND-VX ngày / /2022 của UBND tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung dự án	Thông tin Quyết định đầu tư/ Quyết định phê duyệt dự toán chuẩn bị đầu tư																				Kế hoạch vốn NSNN năm 2021										Đề xuất kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn NSTW năm 2021 sang năm 2022		Mã CTMTQG, Ngành, lĩnh vực	Mã quan hệ ngân sách
		Quyết định đầu tư																				Tổng số kế hoạch vốn giao trong năm (bao gồm số vốn đã giao, điều chỉnh, bổ sung)										Vốn đối ứng NSTW	Vốn nước ngoài đưa vào cân đối NSTW		
		Thời gian		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	TMDT						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Kết quả giải ngân ngân kế hoạch vốn năm 2021															
		Khởi công	Hoàn thành			Vốn đối ứng		Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)		Tích bằng ngoại tệ	Quy đổi ra tiền Việt		Vốn đối ứng		Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt)		Vốn đối ứng			Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt)															
						Tổng số	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó: NSTW		Tổng số		Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó: NSTW	Tổng số		Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó: NSTW													
0	Tổng số				4.065.840.000	519.189.000	0,000		3.523.779.000	2.649.235.000	874.544.000	690.610.000	12.085.000	0,000	0,000	678.525.000	614.685.000	63.840.000	375.465.000	12.085.000	0,000	0,000	363.380.000	311.440.000	51.940.000	0,000	258.921.000								
1	Dự án đầu tư xây dựng cầu đôn sinh và quản lý tài sản đường địa phương (LRAMP)	2018	2022	622/QĐ-UBND ngày 02/3/2016	202.250.000	9.250.000	0,000	9 triệu USD	193.000.000	135.100.000	57.900.000	11.162.000	0,000	0,000	0,000	11.162.000	11.162.000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	11.162.000	Giao thông	7593697					
2	Xây dựng cơ sở hạ tầng thích ứng với biến đổi khí hậu cho đồng bào dân tộc thiểu số (CRIEM)	2021	2024	903/QĐ-TTg ngày 29/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ; 5331/QĐ-UBND ngày 29/12/2020 của UBND tỉnh Bình Định	909.049.000	218.853.000	0,000	30 triệu USD	667.324.000	333.662.000	333.662.000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	Giao thông					
3	Khắc phục khẩn cấp hậu quả thiên tai tại một số tỉnh Miền Trung - tỉnh Bình Định	2017	2021	1063/QĐ-UBND ngày 28/3/2017; 3706/QĐ-UBND ngày 14/10/2019	1.316.224.000	141.024.000	0,000	52 triệu USD	1.175.200.000	1.175.200.000	0,000	225.128.000	5.000.000	0,000	0,000	220.128.000	220.128.000	0,000	208.424.000	5.000.000	0,000	0,000	203.424.000	203.425.000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	4006					
4	Sửa chữa và nâng cao an toàn đập tỉnh Bình Định (WBS)	2015	2023	4638/QĐ-BNN-HCTQ ngày 09/11/2015	284.680.000	14.853.000	0,000	12,62 triệu USD	269.827.000	202.370.000	67.457.000	75.770.000	1.400.000	0,000	0,000	74.370.000	62.370.000	12.000.000	47.923.000	1.400.000	0,000	0,000	46.523.000	34.893.000	11.630.000	0,000	0,000	0,000	4007						
5	Giáo dục trung học cơ sở khu vực khó khăn nhất, giai đoạn 2	2015	2021	70/QĐ-SKHĐT, ngày 03/5/2019; 71/QĐ-SKHĐT, ngày 03/5/2019; 73/QĐ-SKHĐT, ngày 03/5/2019	37.613.000	7.065.000	0,000		30.548.000	30.548.000	0,000	5.568.000	685.000	0,000	0,000	4.883.000	4.883.000	0,000	5.424.000	685.000	0,000	0,000	4.739.000	4.739.000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	7543620				
6	Cung cấp trang thiết bị y tế cho Trung tâm Y tế thành phố Quy Nhơn	2020	2023	3729/QĐ-UBND, 10/10/2017; 795/QĐ-UBND, 14/3/2018; 921/QĐ-UBND, 18/3/2020; 2286/QĐ-UBND, 10/6/2020; 3455/QĐ-UBND, 21/8/2020	81.360.000	11.589.000	0,000	3 triệu USD	69.771.000	69.771.000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	Y tế, dân số và gia đình					
7	Dự án Môi trường bền vững các thành phố Duyên hải - Tiểu dự án thành phố Quy Nhơn	2017	2023	4521/QĐ-UBND 09/12/2016, số 979/QĐ-UBND 27/3/2018	1.234.664.000	116.555.000	0,000	30,083 triệu USD	1.118.109.000	702.584.000	415.525.000	372.982.000	5.000.000	0,000	0,000	367.982.000	316.142.000	51.840.000	113.692.000	5.000.000	0,000	0,000	108.692.000	68.383.000	40.310.000	0,000	247.759.000	Môi trường	7563271						

Phụ lục 03

NHU CẦU ĐỀ XUẤT KÉO DÀI THỜI GIAN THỰC HIỆN VÀ GIẢI NGÂN VỐN ĐẦU TƯ CÔNG THUỘC KẾ HOẠCH NĂM 2020 VỀ TRƯỚC SANG NĂM 2022 ĐỂ TIẾP TỤC THỰC HIỆN

(Kèm theo Công văn số /UBND-VX ngày / /2022 của UBND tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Chương trình/ Danh mục dự án	Kế hoạch vốn ngân sách Trung ương năm 2020 trở về trước	Kế hoạch vốn ngân sách Trung ương năm 2020 kéo dài sang năm 2021	Giải ngân vốn kéo dài	Đề nghị xin kéo dài sang năm 2022 để tiếp tục thực hiện	Ghi chú
	Tổng cộng				5.791,421	
I	Hỗ trợ đồng bào dân tộc miền núi theo QĐ số 2085/QĐ-TTg (KH 2020)				2.878,573	
	Dự án Định canh - định cư tập trung Làng K2 (Súối Đá) xã Vĩnh Sơn, huyện Vĩnh Thạnh	7.170,000	7.170,000	4.291,427	2.878,573	
II	Chương trình MTQG Xây dựng Nông thôn mới (KH 2019)				2.912,848	
	Mở rộng phạm vi cấp nước khu Đông nam Hoài Nhơn: Xây dựng trạm bơm tăng áp	3.500,000	2.912,848	0,000	2.912,848	